

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **78/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 30/8/2023

“V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Ngô Cao Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 326/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc *“Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị H.**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Vàng Văn Đ.**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. kết hôn với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09/3/2009. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại Thôn T, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau thường phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Đặng Thị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn Đ..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị H. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Vàng Văn Đ. thiếu trách

nhiệm làm bố, không quan tâm chăm sóc, dạy dỗ con cái. Chị thường xuyên vừa đi làm, vừa chăm con mà không được anh Đ. cảm thông, đồng cảm mà còn gây sự, cãi chửi nhau. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị H. được ly hôn với anh Vàng Văn Đ..

Lời khai bị đơn anh Vàng Văn Đ. có trong hồ sơ thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn hiểu nhau. Từ tháng 4/2023 đến nay chị H. đi làm ăn xa không về, vợ chồng ly thân từ đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh cũng nhất trí ly hôn với chị Đặng Thị H..

Về con chung: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. 03 người con chung là Vàng Đăng Bảo N., sinh ngày 30/11/2008, Vàng Tiến Đ., sinh ngày 11/4/2010, Vàng Tiến B., sinh ngày 02/8/2016. Chị H. và anh Đ. có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Lời khai của các con chung có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cháu Vàng Đăng Bảo N. có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Vàng Tiến Đ. và Vàng Tiến B. có nguyện vọng ở với bố.

Về tài sản chung: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Vàng Văn Đ. có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang. Anh Vàng Văn Đ. và chị Đặng Thị H. kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Tú Tạc, xã T.. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thi thoảng có to tiếng cãi chửi nhau, thôn xã đã hòa giải nhưng không thành. Tháng 4/2023, chị H. đi làm công nhân công ty, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Anh Vàng Văn Đ. có mặt ở địa phương, làm lao động tự do, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ. có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. kết hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường sau phát sinh mâu thuẫn và cùng có quan điểm nhất trí ly hôn. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Đặng Thị H. được ly hôn với anh Vàng Văn Đ.; về con chung: Giao cháu Vàng Đăng Bảo N. cho chị Đặng Thị H. và

giao cháu Vàng Tiến Đ., Vàng Tiến B. cho anh Vàng Văn Đ. chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Đặng Thị H. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn Đ.; giao nuôi con chung theo quy định; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H. và bị đơn anh Vàng Văn Đ. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09/3/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7/2023, chị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn Đ..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, quá trình giải quyết các đương sự xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên nhất trí ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Đặng Thị H. được ly hôn với anh Vàng Văn Đ..

2.2. Về con chung: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. có 03 người con chung là Vàng Đặng Bảo N., sinh ngày 30/11/2008, Vàng Tiến Đ., sinh ngày 11/4/2010, Vàng Tiến B., sinh ngày 02/8/2016.

Xét thấy, cháu Vàng Đặng Bảo N., Vàng Tiến Đ. và Vàng Tiến B. là con chung của chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Quá trình giải quyết chị H. và anh Đ. có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con. Lời khai các cháu có trong hồ sơ thể hiện cháu Vàng Đặng Bảo N. có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Vàng Tiến Đ. và Vàng Tiến B. có nguyện vọng ở với bố. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, xét nguyện vọng của các đương sự và các con chung, cần giao Vàng Đặng Bảo N., sinh ngày 30/11/2008 cho chị Đặng

Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Vàng Tiến Đ., sinh ngày 11/4/2010 và cháu Vàng Tiến B., sinh ngày 02/8/2016 cho anh Vàng Văn Đ. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về công nợ chung: Chị Đặng Thị H. và anh Vàng Văn Đ. không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đặng Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H. được ly hôn với anh Vàng Văn Đ..
2. Về con chung: Giao cháu Vàng Đặng Bảo N., sinh ngày 30/11/2008 cho chị Đặng Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Vàng Tiến Đ., sinh ngày 11/4/2010 và cháu Vàng Tiến B., sinh ngày 02/8/2016 cho anh Vàng Văn Đ. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Đặng Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002895 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Đặng Thị H. đã nộp đủ án phí của vụ án.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến